

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 293/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương
cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế,
chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết
số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ
về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh
và bền vững đối với 62 huyện nghèo**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2012 tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2012;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, gồm:

1. Huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng;
2. Huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;
3. Huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai;

4. Huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai;
5. Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
6. Huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
7. Huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
8. Huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;
9. Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;
10. Huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình;
11. Huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình;
12. Huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An;
13. Huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam;
14. Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam;
15. Huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên;
16. Huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên;
17. Huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum;
18. Huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;
19. Huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;
20. Huyện K Bang, tỉnh Gia Lai;
21. Huyện Kon Chro, tỉnh Gia Lai;
22. Huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai;
23. Huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ

1. Cấp huyện: Đầu tư cho các trường trung học phổ thông; trường dân tộc nội trú huyện (bao gồm cả nhà ở cho học sinh) có quy mô đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; cơ sở dạy nghề tổng hợp huyện (bao gồm cả nhà ở cho học viên); các công trình thủy lợi quy mô cấp huyện, liên xã; đường giao thông từ trung tâm huyện tới xã, liên xã.

2. Cấp xã và dưới xã: Đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở thiết yếu ở tất cả các xã trên địa bàn huyện (trừ thị trấn), bao gồm: Trường học (lớp học, trường học, kể cả trường mầm non, lớp mẫu giáo, nhà ở bán trú dân nuôi, nhà ở cho giáo viên); trạm y tế xã đạt tiêu chuẩn (gồm cả nhà ở cho nhân viên y tế); đường giao thông liên thôn, bản, đường vào các khu kinh tế, sản xuất tập trung (gồm cả cầu, cống); thủy lợi phục vụ tưới và tiêu cho sản xuất nông nghiệp (kênh mương nội đồng và thủy lợi nhỏ); điện phục vụ sản xuất và dân sinh; công trình nước sinh hoạt (tập trung hoặc phân tán, đào giếng, xây bể).

Điều 3. Về định mức, thời gian hỗ trợ

1. Hỗ trợ vốn đầu tư phát triển cho mỗi huyện bằng 70% mức bình quân của các huyện theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP từ ngân sách trung ương.

2. Thời gian hỗ trợ: Trong 5 năm (2013 - 2017).

Riêng năm 2013, bố trí từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương để triển khai thực hiện đối với một số dự án quan trọng đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ liên quan chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đề án của các huyện, xác định cụ thể các nhu cầu đầu tư phù hợp với khả năng cân đối ngân sách để tổ chức phê duyệt đề án theo quy định; cân đối, bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương thực hiện từ năm 2013 sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo các huyện xây dựng Đề án giảm nghèo bền vững trên địa bàn, xác định các nhu cầu đầu tư phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan và ý kiến thẩm tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên cơ sở đó hoàn thiện nội dung Đề án, sắp xếp thứ tự ưu tiên, phân kỳ đầu tư hợp lý và phê duyệt Đề án theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

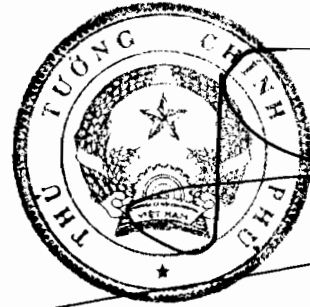
2. Các nội dung hỗ trợ được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).XH 240

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng